

## BẢN TIN PHÁP LUẬT

Số 38 – Tháng 3 Năm 2026 – Capable Counsel

### I. Lĩnh vực bảo hiểm

#### 1.1. Công văn 536/BHXH-CSXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn tạm thời việc chi trả kinh phí hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2026

Trong thời gian chờ sửa đổi Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc ban hành Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) theo quy định của Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 16/6/2025 (Luật Việc làm năm 2025) và Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về BHTN (Nghị định số 374/2025/NĐ-CP), BHXH Việt Nam hướng dẫn tạm thời BHXH các tỉnh, thành phố (BHXH cấp tỉnh) về việc chi trả kinh phí hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề như sau:

Hướng dẫn cơ sở đào tạo nghề nghiệp lập Danh sách đề nghị thanh toán hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo Mẫu số 87A-HSB (tài Phụ lục đính kèm) gửi cơ quan BHXH cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của tháng học hoặc ngày kết thúc khóa học.

Về thanh toán kinh phí hỗ trợ học phí cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động hưởng hỗ trợ học nghề theo Luật Việc làm năm 2013 (có quyết định hưởng trước ngày 01/01/2026) và người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo Luật Việc làm năm 2025 (có quyết định hưởng từ ngày 01/01/2026 trở đi): Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, lập danh sách, chi trả kinh phí hỗ trợ học phí cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và các quy định có liên quan của Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN ban hành kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 của Giám đốc BHXH Việt Nam.

Về thanh toán kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo Luật Việc làm năm 2025 (có quyết định hưởng từ ngày 01/01/2026 trở đi).



**1.2. Nghị định 78/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 174/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2026**

*Bảo Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 139/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.*

Điều 41. Thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;



d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

3. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

4. Đội trưởng của Công an nhân dân có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

6. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật



tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế; Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an tỉnh, Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

8. Trưởng đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

9. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.



10. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026./.

**1.3. Quyết định 313/QĐ-BHXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của quy trình giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp ban hành kèm theo Quyết định 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2026 Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 26/5/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;**

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29/6/2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16/6/2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Quyết định số 3179/QĐ-BTC ngày 12/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Trưởng ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Trưởng ban Tài chính - Kế toán.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy trình giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), chi trả các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) ban hành kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 (sau đây gọi là Quyết định số 2222/QĐ-BHXH) của Giám đốc BHXH Việt Nam.

1.1. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 5.

1.2. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 7 như sau:

“Các mẫu có ký hiệu Cxx-HD viện dẫn trong Văn bản này là chứng từ kế toán quỹ BHXH, BHTN được ban hành kèm theo Công văn số 3349/BHXH-TCKT ngày 17/12/2025 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn lập chứng từ kế toán quỹ BHXH, BHYT, BHTN”.



#### **1.4. Thông tư 33/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2026**

Thông tư này quy định chế độ tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam quy định tại điểm b khoản 4 và khoản 6 Điều 30 Luật Bảo hiểm tiền gửi.

Đối tượng áp dụng

1. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
2. Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 và áp dụng từ năm tài chính 2026.

Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

- a) Thông tư số 312/2016/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- b) Thông tư số 20/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 312/2016/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

## **II. Lĩnh vực đầu tư**

### **2.1. Kế hoạch 90/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thúc đẩy các chương trình tài chính thu hút nguồn lực kiều hối vào khoa học công nghệ cho Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án “Chính sách phát huy hiệu quả nguồn lực kiều hối trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030”; Căn cứ tình hình thực tiễn về quy mô, xu hướng và yêu cầu phát huy hiệu quả nguồn lực kiều hối phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Kế hoạch thúc đẩy các chương trình tài chính thu hút nguồn lực kiều hối vào khoa học công nghệ cho Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung cụ thể như sau:

- Kế hoạch này được ban hành nhằm cụ thể hóa và tổ chức triển khai hiệu quả Đề án “Chính sách phát huy hiệu quả nguồn lực kiều hối trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến



năm 2030”, bảo đảm các nhiệm vụ và giải pháp được thực hiện đồng bộ, thống nhất, góp phần xây dựng hệ sinh thái tài chính kiểu mới năng động, minh bạch, bền vững; phát huy hiệu quả nguồn lực kiều bào về tri thức, tài chính và công nghệ, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và từng bước hiện thực hóa mục tiêu đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính, khoa học – công nghệ hàng đầu khu vực.

- Trọng tâm của Kế hoạch là triển khai các công cụ tài chính và tiền tệ ưu đãi, linh hoạt nhằm thu hút và huy động hiệu quả dòng kiều hối về Thành phố và tái định hướng nguồn kiều hối từ tiêu dùng cá nhân sang đầu tư sản xuất, ưu tiên cho các lĩnh vực khoa học – công nghệ, công nghiệp chế biến – chế tạo, đổi mới sáng tạo, năng lượng xanh và chuyển đổi số. Theo đó, Kế hoạch hướng đến việc xây dựng và đưa vào vận hành các sản phẩm tài chính như quỹ đầu tư và chương trình tín dụng. Qua đó, hình thành các kênh đầu tư an toàn, hấp dẫn, khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài và nhà đầu tư kiều bào

## **2.2. Quyết định 441/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2026 – 2030 ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại Tờ trình số 12/TTr-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2026 và văn bản số 1915/BTC-QLN ngày 13 tháng 02 năm 2026,

thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng

về việc chuyển đổi cơ quan quản lý của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương thành Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (mới).

Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



### **2.3. Quyết định 425/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2025 ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2026**

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng; Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng.

Công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2025 kèm theo Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng suất vốn đầu tư và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình làm cơ sở để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình

### **2.4. Nghị định 103/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2026**

Nghị định này quy định chi tiết Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 48, Điều 52 của Luật Đầu tư và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư về hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhằm mục đích kinh doanh, thủ tục đầu tư ra nước ngoài và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Các hoạt động đầu tư ra nước ngoài sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này:

a) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hình thức mua, bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 39 của Luật Đầu tư;

b) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực dầu khí.

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và thay thế Chương VI quy định về hoạt động đầu tư ra nước ngoài của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

### III. Lĩnh vực doanh nghiệp

#### 3.1. Quyết định 1287/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Căn cứ Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ); Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ.

#### 3.2. Thông tư 20/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành ngày 12 tháng 3 năm 2026

Hồ sơ của khoản chi được tính vào chi phí được trừ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 9 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp

2. Hồ sơ hưởng ưu đãi thuế đối với các trường hợp quy định tại các điều 4, 13, 14 và 15 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sau đây gọi chung là Nghị định số 320/2025/NĐ-CP).



4. Hồ sơ kê khai và nộp thuế của doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam quy định tại Điều 2, khoản 4 Điều 3 và khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.
6. Việc đăng ký số vốn đầu tư để thực hiện dự án đầu tư mở rộng của doanh nghiệp quy định tại Điều 20 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.
7. Nghĩa vụ thuế trong trường hợp tài sản cố định đã được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ chưa hết hao mòn mà được doanh nghiệp chuyển sang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và mẫu Báo cáo trích lập, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định số 320/2025/NĐ-CP.

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

**3.3. Thông tư 21/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2026**

Sửa đổi Điều 59 như sau:

“Điều 59. Hồ sơ miễn tiền thuê đất một số năm, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp cơ quan thuế có thẩm quyền giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế

1. Hồ sơ miễn, giảm tiền thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối mà bị thiên tai, hoả hoạn theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024, bao gồm:



- a) Văn bản đề nghị theo mẫu số 01/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này;
- b) Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản theo mẫu số 02/MGTH ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này (không cần xác nhận của đại diện chính quyền).  
Cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ, giá trị thiệt hại là cơ quan tài chính hoặc các cơ quan giám định xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản.  
Trường hợp thiệt hại về hàng hoá: Người nộp thuế cung cấp Biên bản giám định (chứng thư giám định) về mức độ thiệt hại của Cơ quan giám định và cơ quan giám định phải chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của kết quả và kết luận trong chứng thư giám định theo quy định của pháp luật;
- c) Bản sao tài liệu chứng minh về các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật (trong trường hợp người thuê đất có nhận được khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định của pháp luật);
- d) Bản sao Quyết định cho thuê đất hoặc Hợp đồng thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Hồ sơ giảm tiền thuê đất đối với trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh (trừ dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối) nhưng phải tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bị thiên tai, hỏa hoạn hoặc do tai nạn bất khả kháng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 230/2025/NĐ-CP

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2026.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn./.

### **3.4. Công văn 1927/CT-KTr của Cục Thuế về việc tăng cường quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thua lỗ nhiều năm, lãi mỏng**

Trong năm 2025, ngành Thuế đã triển khai nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác quản lý thuế đối với các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp kê khai thua lỗ nhiều năm, lãi mỏng và đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy nhiên tình trạng doanh nghiệp kê khai thua lỗ nhiều năm, lãi mỏng vẫn còn phổ biến. Để tiếp tục tăng cường công tác quản lý thuế trong năm 2026 đối với các doanh nghiệp nêu trên, phòng ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời cho



Ngân sách nhà nước, Cục Thuế đề nghị Thuế các tỉnh/thành phố, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế Thương mại điện tử thực hiện một số công việc sau:

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền tải thông điệp tới toàn thể người nộp thuế trong việc thực hiện kê khai trung thực, chính xác và đầy đủ nghĩa vụ thuế theo đúng quy định pháp luật; cảnh báo hậu quả pháp lý và các chế tài xử lý đối với các trường hợp người nộp thuế liên tục kê khai lỗ nhiều năm không nộp thuế mà vẫn đầu tư mở rộng, tăng vốn; đây cũng là một yếu tố rủi ro trọng yếu làm cơ sở để cơ quan thuế đưa vào kế hoạch kiểm tra trọng điểm, xác định và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật thuế, gian lận thuế, trốn thuế. Qua đó, góp phần tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý thuế, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế trong việc khai thuế, nộp thuế của kỳ tính thuế năm 2025 cũng như tự rà soát các kỳ tính thuế trước, nếu kê khai chưa chính xác thì thực hiện kê khai điều chỉnh.

#### **IV. Lĩnh vực lao động – tiền lương**

##### **4.1. Công văn 536/BHXH-CSXH của Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn tạm thời việc chi trả kinh phí hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2026**

Trong thời gian chờ sửa đổi Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc ban hành Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) theo quy định của Luật Việc làm số 74/2025/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua ngày 16/6/2025 (Luật Việc làm năm 2025) và Nghị định số 374/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về BHTN (Nghị định số 374/2025/NĐ-CP), BHXH Việt Nam hướng dẫn tạm thời BHXH các tỉnh, thành phố (BHXH cấp tỉnh) về việc chi trả kinh phí hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề như sau:

Hướng dẫn cơ sở đào tạo nghề nghiệp lập Danh sách đề nghị thanh toán hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo Mẫu số 87A-HSB (tại Phụ lục đính kèm) gửi cơ quan BHXH cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày học cuối cùng của tháng học hoặc ngày kết thúc khóa học.

Về thanh toán kinh phí hỗ trợ học phí cho cơ sở đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động hưởng hỗ trợ học nghề theo Luật Việc làm năm 2013 (có quyết định hưởng trước ngày 01/01/2026) và người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo Luật Việc làm năm 2025 (có quyết định hưởng từ ngày 01/01/2026 trở đi): Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, lập danh sách, chi trả kinh phí hỗ trợ học phí cho cơ sở đào tạo nghề



nghiệp theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và các quy định có liên quan của Quy trình giải quyết hưởng các chế độ BHXH, chi trả các chế độ BHXH, BHTN ban hành kèm theo Quyết định số 2222/QĐ-BHXH ngày 29/7/2025 của Giám đốc BHXH Việt Nam.

**4.2. Quyết định 346/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nội vụ ban hành ngày 24 tháng 3 năm 2026**

*Căn cứ Nghị định số 25/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Việc làm và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ.*

Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (Phụ lục kèm theo).

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 886/QĐ-BNV ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Cục trưởng Cục Việc làm, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**4.3. Quyết định 396/QĐ-TTPVHCC của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2026**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các*

*Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 thủ tục hành chính liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này gửi Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố phê duyệt theo quy định.

Sở Nội vụ; Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

## **V. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ**

### **5.1. Nghị định 100/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 và Nghị định 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2026**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật số 131/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, bao gồm:

a) Khoản 2 Điều 1 về việc phát sinh, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong trường hợp đối tượng quyền được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo;



- b) Khoản 3 Điều 1 về việc chấm dứt thực hiện quyền sở hữu trí tuệ trong trường hợp một đối tượng mà có nhiều quyền sở hữu trí tuệ phát sinh hoặc được xác lập;
  - c) Khoản 5 Điều 1 về quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ;
  - d) Khoản 6 Điều 1 về chuyển đổi số hoạt động sở hữu trí tuệ;
  - đ) Khoản 24 Điều 1 về kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài;
  - e) Khoản 33 Điều 1 về đơn đăng ký đối với sáng chế mật;
  - g) Khoản 44 Điều 1 về thẩm định nội dung nhanh đối với đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký nhãn hiệu;
  - h) Khoản 53 Điều 1 về hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;
  - i) Khoản 54 Điều 1 về kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
  - k) Khoản 55 Điều 1 về trình tự, thủ tục ghi nhận, xóa tên đại diện sở hữu công nghiệp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
  - l) Khoản 66 Điều 1 về tổ chức và hoạt động giám định về quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng;
  - m) Khoản 67 Điều 1 về việc tiêu hủy hàng hóa giả mạo nhãn hiệu.
2. Quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về:
- a) Bảo đảm kinh phí và các nguồn lực cần thiết khác cho hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ theo quy định tại Điều 11a của Luật Sở hữu trí tuệ;
  - b) Các nội dung khác bao gồm: quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng, quản lý chỉ dẫn địa lý, thủ tục hành chính về quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.
- Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.